

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 11

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 05 – 06/11/2024

Ngày cung cấp TT: 07/11/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở thông.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở.
5	9	Công Lương Cổ	Công mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Công mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Công mở hé.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công mở.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Không có vị trí nào.***

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Phú Lý – cầu Phú Vân.

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Lương Cổ, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín, Kênh Hòa Bình.***

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Kênh Yên Xá, Đập Nhật Tựu, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu.***

Không đạt mức D: Cổng Liên Mạc, Cầu Diên, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần, Sông Đăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh La Khê, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh Duy Tiên.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 11%, gió TB 8 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Cổng Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở thông. Mực nước thấp. Nước màu xanh đen.	7.54	16	0.96	0.5	12.199	0.936	728	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 1%, gió TB 11 km/h. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.36	17.6	0.49	0.6	24.786	2.385	762	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
3	Đập Hà	Đánh giá chất	Trời nắng, nhiệt độ	7.2	21.2	0.3	0.6	31.469	1.823	819	Chi tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Đông	lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	30°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 0%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước thấp. Nước màu đen.								quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tô	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 0%, gió TB 13 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	6.98	34.6	0.2	0.6	33.100	1.688	871	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 0%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen kịt, mùi hôi thối.	7.05	22.7	0.27	0.6	31.779	2.408	891	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 38%, mật độ mây 4%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Đập mở thông. Nước màu đen.	7.21	20.7	0.45	0.6	27.894	1.958	809	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước diềm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 0%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen.	7.06	18.6	0.86	0.6	24.631	2.520	791	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 2%, gió TB 8 km/h. Dòng chảy chậm, đập mở. Mực nước trung bình. Nước từ sông Đáy đẩy ngược lên thượng lưu. Nước màu	7.19	30.7	2.07	0.6	15.929	3.263	752	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			xanh đen.								
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 10%, gió TB 13 km/h. Công mở thông. Dòng chảy chậm, nước từ sông Đáy vào, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.3	23.6	4.76	0.3	0.793	1.620	373	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 10%, gió TB 13 km/h. Dòng chảy chậm, nước từ sông Đáy vào. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.37	22.5	5.19	0.2	0.591	1.328	316	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 15%, gió TB 8	7.61	14.7	0.41	0.6	16.706	2.003	829	Chi tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		lưu vào sông Nhuệ.	km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Ngoài sông Nhuệ nước màu đen, dòng chảy về hạ lưu.								DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 0%, gió TB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu nâu đen.	6.87	20.6	1.61	0.6	19.192	2.610	761	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 0%, gió TB 11 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Mực nước thượng lưu cao hơn hạ	7.12	22.5	0.23	0.6	34.110	1.913	907	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			lưu. Nước màu đen.								
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 15%, gió TB 8 km/h. Dòng chảy chậm. Cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.06	34.6	0.79	0.6	19.969	0.810	872	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khổng chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 5%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở hé tiêu nước. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu đen.	7.09	30.5	0.16	0.6	25.563	2.408	926	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 5%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu đen.	6.91	28.6	0.22	0.6	31.546	1.935	897	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 47%, mật độ mây 2%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, kênh cạn trơ đáy. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.17	25.6	0.12	0.6	40.016	1.508	970	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Hà, Thường Tín	Tin dò vào sông Nhuệ.	thấp, kênh cạn trơ đáy. Nước màu vàng đục.								
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 0%, gió TB 13 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước thấp. Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.	7.81	23.7	4.19	0.4	1.523	3.960	426	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn